

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2019/HS-ST
Ngày: 12-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông RChâm Đương

2. Ông Nguyễn Như Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12-6-2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 17/2019/HSST, ngày 10 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo: Nguyễn Mạnh T; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1980, tại Thái Bình; NĐKKHTT và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn M, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Con ông Nguyễn Mạnh H (đã chết) và bà Tô Thị T; Bị cáo có vợ tên là Phạm Thị T (đã ly hôn) và 04 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19-10-2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Ông Ksor T; Sinh năm: 1976; Vắng mặt.

Trú tại: Làng L, xã O, huyện G, tỉnh Gia Lai.

2. Bà Rơ Mah P; Sinh năm: 1972; Vắng mặt.

Trú tại: Làng L, xã O, huyện G, tỉnh Gia Lai.

3. Anh Siu T; Sinh năm: 1984; Có mặt.

Trú tại: Làng D, xã O, huyện G, tỉnh Gia Lai.

4. Bà Rơ Châm P; Sinh năm: 1976; Có mặt.

Trú tại: Làng D, xã O, huyện G, tỉnh Gia Lai.

5. Ông Ksor P; Sinh năm: 1972; Có mặt.

Trú tại: Làng D, xã O, huyện G, tỉnh Gia Lai.

6. Ông Rơ Lan H; Sinh năm: 1979; Có mặt.

Trú tại: Làng D, xã O, huyện G, tỉnh Gia Lai.

7. Chị Ksor N; Sinh năm: 1986; Có mặt.

Trú tại: Làng D, xã O, huyện G, tỉnh Gia Lai.

8. Ông Siu S; Sinh năm: 1978; Có mặt.

Trú tại: Làng D, xã O, huyện G, tỉnh Gia Lai.

9. Chị Ksor B; Sinh năm: 1993; Có mặt.

Trú tại: Làng D, xã O, huyện G, tỉnh Gia Lai.

10. Bà Rơ Châm B; Sinh năm: 1947; Vắng mặt.

Trú tại: Làng T, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai.

11. Anh Rơ Mah U; Sinh năm: 1988; Vắng mặt.

Trú tại: Làng D, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Lê Văn D; Sinh năm: 1987; Có mặt.

Trú tại: Thôn N, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai;

2. Anh Hà Văn H; Sinh năm: 1982; Có mặt.

Trú tại: Thôn M, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai;

3. Anh Dương Văn T; Sinh năm: 1990; Có mặt.

Trú tại: Thôn N, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai;

4. Anh Nguyễn Mạnh T1; Sinh năm: 1994;

Trú tại: Thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai;

5 Anh Trần Ngọc T; Sinh năm: 1979; Vắng mặt.

Trú tại: Làng D, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai;

- *Người phiên dịch tiếng Jrai:* Ông Puih D – Công tác tại Công an huyện G. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong tháng 9, tháng 10 và tháng 11 năm 2016, Nguyễn Mạnh T là người chủ mưu rủ Lê Văn D cùng nhau đi trộm cắp lợn (heo) của người dân trên địa bàn các xã O, K và T, huyện G, tỉnh Gia Lai. T là người chuẩn bị kích điện tự chế còn D chuẩn bị xe mô tô Yamaha Sirius màu đỏ- đen, biển số 81R1-089.82, bao tải và băng keo. Bằng cách thức sử dụng chiếc xe mô tô của D để đi lại tìm heo của người địa phương thả rông, sử dụng kích điện tự chế bắn cho con heo ngất xỉu rồi dùng băng keo đen trói chân và miệng lại rồi bỏ vào bao tải mang đi tiêu thụ, cụ thể bị cáo cùng với D đã thực hiện 15 lần trộm cắp như sau:

Lần 1: Khoảng cuối tháng 9-2016, T và D đến khu vực làng D, xã O, huyện G trộm cắp của chị Ksor N 01 con heo cái màu trắng, lưng màu đen, đang có chữa, nặng khoảng 60 kilogam mang về bán cho Hà Văn H. Quá trình điều tra Hà Văn Hh đã bồi thường cho chị Ksor N số tiền 2.660.000 đồng. Hội đồng định giá tài sản đã kết luận con heo trên có giá trị là 2.520.000 đồng.

Lần 2: Khoảng tháng 10-2016, T và D tiếp tục đến làng D, xã O, huyện G trộm cắp của ông Rơ Lan H 01 con heo cái, màu đen, trắng, nặng 50kg. Tuy nhiên, do thấy có người trong nhà bật điện sáng lên, sợ bị phát hiện nên T và D đã vút heo lại bỏ chạy,

ông Hon thấy heo bị chết nên đã làm thịt để ăn. Hội đồng định giá tài sản đã kết luận con heo trên có giá trị là 2.100.000 đồng.

Lần 3: Khoảng cuối tháng 10-2016, T và D tiếp tục đến làng D, xã O, huyện G trộm cắp của ông Siu S 01 con heo cái, lưng màu đen, bụng màu trắng, nặng 50kg mang về bán cho Hà Văn H. Quá trình điều tra Hà Văn H đã bồi thường cho ông Siu S số tiền 2.660.000 đồng. Hội đồng định giá tài sản đã kết luận con heo trên có giá trị là 2.100.000 đồng.

Lần 4: Khoảng tháng 10-2016, T và D đến làng L, xã O, huyện G trộm cắp của bà Rơ Mah P 01 con heo cái, lưng màu đen, bụng màu trắng, nặng 48kg, sau đó D chở về nhà rồi bán cho anh Dương Văn T. Quá trình điều tra anh T đã bồi thường cho bà P số tiền 1.000.000 đồng. Hội đồng định giá tài sản đã kết luận con heo trên có giá trị là 2.016.000 đồng.

Lần 5: Ngày 19-10-2016, T và D đến làng T, xã K, huyện G trộm cắp của bà Rơ Châm B 01 con heo cái, lưng màu đen, bụng màu trắng, nặng 46kg, sau đó D bán cho anh Trần Ngọc T. Quá trình điều tra anh T đã bồi thường cho bà B số tiền 2.800.000 đồng. Hội đồng định giá tài sản đã kết luận con heo trên có giá trị là 1.932.000 đồng.

Lần 6: Khoảng cuối tháng 10-2016, T và D đến làng D, xã O, huyện G trộm cắp của bà Rơ Châm P 01 con heo cái, lưng màu đen, bụng màu trắng, nặng 58kg mang về nhà T. Quá trình điều tra, chị Nguyễn Thị T (vợ của D) đã bồi thường cho bà P số tiền 2.000.000 đồng. Hội đồng định giá tài sản đã kết luận con heo trên có giá trị là 2.436.000 đồng.

Lần 7: Khoảng tháng 10-2016, T và D đến khu vực làng D, xã O, huyện G trộm cắp của chị Ksor B 01 con heo cái, lưng màu đen, bụng màu trắng, có chữa nặng 80kg, sau đó D bán cho anh Hà Văn H. Quá trình điều tra anh H đã bồi thường cho chị B số tiền 2.660.000 đồng. Hội đồng định giá tài sản đã kết luận con heo trên có giá trị là 3.360.000 đồng.

Lần 8: Khoảng tháng 10-2016, T và D đến làng D, xã O, huyện G trộm cắp của ông Ksor P 01 con heo cái, đầu màu trắng, lưng màu đen, hai bên hông màu trắng, đang có chữa, nặng 50kg, sau đó D chở về bán cho anh Dương Văn T. Quá trình điều tra, chị Nguyễn Thị T (vợ của D) đã bồi thường cho ông P số tiền 2.000.000 đồng. Hội đồng định giá tài sản đã kết luận con heo trên có giá trị là 2.100.000 đồng.

Lần 9: Ngày 28-10-2016, T và D đến khu vực làng L, xã O, huyện G trộm cắp của ông Ksor T 01 con heo cái, đầu màu trắng, lưng màu trắng, nặng 48kg, theo lời khai của D thì con heo này D bán cho ông Nguyễn T nhưng ông T không thừa nhận và chưa có đủ căn cứ để khẳng định ông T mua con heo này. Quá trình điều tra, anh

Nguyễn Mạnh T1 (em của T) đã bồi thường cho ông Ksor T số tiền 2.200.000 đồng. Hội đồng định giá tài sản đã kết luận con heo trên có giá trị là 2.016.000 đồng.

Lần 10: Khoảng 04 giờ ngày 01-11-2016, T và D đến khu vực làng D, xã O, huyện G trộm cắp của anh Siu T 01 con heo cái, màu trắng sữa, đầu có đốm đen, nặng 80kg bỏ vào bao tải để chở về nhà. Khi cả hai về đến đoạn đường thuộc thôn M, xã Ia K, huyện G thì bị tổ tuần tra của Công an xã K phát hiện nên đã ném bao đựng heo và bỏ chạy. Quá trình điều tra, chị Nguyễn Thị T (vợ của D) đã bồi thường cho anh T số tiền 1.000.000 đồng. Hội đồng định giá tài sản đã kết luận con heo trên có giá trị là 3.360.000 đồng.

Lần 11: Trong ngày 01-11-2016, sau khi bị tổ tuần tra của Công an xã K phát hiện, T và D ném bao đựng heo và bỏ chạy thì T và D tiếp tục đến làng D, xã T, huyện G trộm cắp của anh Rơ Mah U 01 con heo đực, lưng màu đen, bụng màu trắng, nặng 30kg, sau đó T mang con heo về nhà. Quá trình điều tra, anh Nguyễn Mạnh T1 (em của T) đã bồi thường cho anh U thiệt hại của con heo trên. Hội đồng định giá tài sản đã kết luận con heo trên có giá trị là 1.260.000 đồng.

Lần 12: Khoảng tháng 10-2016, T và D đến khu vực làng M, xã O, huyện trộm cắp 01 con heo cái, lưng màu đen, bụng màu trắng, nặng 50kg chưa xác định được chủ sở hữu, sau đó D chở đến bán cho anh Hà Văn H. Hội đồng định giá tài sản đã kết luận con heo trên có giá trị là 2.100.000 đồng.

Lần 13: Khoảng tháng 10-2016, T và D đến khu vực Cầu C, làng L, xã O, huyện G trộm cắp 02 con heo gồm 01 con heo cái, lưng màu đen, bụng màu trắng, nặng 30kg và 01 con heo nặng 45kg, chưa xác định được chủ sở hữu. Sau khi trộm cắp, T chở về nhà và chia tiền cho D. Hội đồng định giá tài sản đã kết luận con heo nặng 30kg có giá trị là 1.260.000 đồng, con heo nặng 45 kg có giá trị là 1.890.000 đồng.

Lần 14: Khoảng tháng 10-2016, T và D đến khu vực làng L, xã O, huyện G bắt trộm 01 con heo cái, lưng màu đen, bụng màu trắng, nặng 30kg, chưa xác định được chủ sở hữu. Sau khi trộm cắp, D mang về nhà để làm thịt ăn. Hội đồng định giá tài sản đã kết luận con heo trên có giá trị là 1.260.000 đồng.

Lần thứ 15: Trong tháng 10-2016, T và D đến khu vực làng D, xã K, huyện G trộm cắp 01 con heo cái, lưng màu đen, bụng màu trắng, nặng 30kg, chưa xác định được chủ sở hữu. Sau khi trộm cắp, D khai bán cho ông Nguyễn T được 1.200.000 đồng. Tuy nhiên, ông T không thừa nhận và chưa có đủ căn cứ để khẳng định ông T mua con heo này. Hội đồng định giá tài sản đã kết luận con heo trên có giá trị là 1.260.000 đồng.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Nguyễn Mạnh T bỏ trốn khỏi địa phương, bị truy nã, đến ngày 19-10-2018 mới đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Cáo trạng số 21/CTr-VKS ngày 10-5-2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai truy tố bị cáo Nguyễn Mạnh T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh T từ 14 - 16 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T đã tác động, nhờ anh Nguyễn Mạnh T1 đứng ra thay mặt cho bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại là ông Ksor T và anh Rơ Mah U. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị hại trên và anh T1 đều không có yêu cầu gì khác nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét; Tại phiên tòa, bị cáo T và bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã tự nguyện thỏa thuận về việc bồi thường. Cụ thể, bị cáo T tự nguyện bồi thường cho anh Siu T số tiền 1.000.000 đồng, bồi thường cho anh Rơ Lan H số tiền 2.000.000 đồng, hoàn trả lại cho anh Lê Văn D $\frac{1}{2}$ số tiền anh D bị truy thu sung công quỹ Nhà nước là $7.670.000 \text{ đồng} / 2 = 3.835.000 \text{ đồng}$ nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận; Trách nhiệm dân sự của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án khác đều đã được giải quyết tại Bản án số 25/2017/HSST ngày 29-6-2017 của Tòa án nhân dân huyện G. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều không có ai có yêu cầu gì khác nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại.

Về xử lý vật chứng: Đã được giải quyết tại Bản án số 25/2017/HSST ngày 29-6-2017 của Tòa án nhân dân huyện G. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều không có ai có yêu cầu gì khác nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại.

Bị cáo nói lời nói sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Mạnh T đã khai nhận bị cáo là người chủ mưu, cùng với Lê Văn D lén lút sử dụng chiếc xe mô tô của D để đi lại tìm heo của người địa phương thả rông trên địa bàn các xã O, K, T, sử dụng kích điện tự chế của bị cáo bắn cho con heo ngất xỉu rồi dùng băng keo đen trói chân và miệng lại rồi bỏ vào bao tải mang đi tiêu thụ, bị cáo đã tham gia thực hiện hành vi trộm cắp 15 lần, được 16 con heo có tổng giá trị là 32.970.000 đồng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các chứng cứ tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Bản thân bị cáo tham gia thực hiện hành vi trộm cắp 15 lần nhưng bị cáo có nghề chính là làm nông và đây là nguồn sống chính của gia đình bị cáo, bị cáo chỉ thực hiện việc trộm cắp heo thường vào thời gian lúc rạng sáng để lấy tiền tiêu xài cá nhân nên không thuộc trường hợp phạm tội

“Có tính chất chuyên nghiệp”. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Mạnh T đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo theo tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, đều đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm một cách bất hợp pháp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an xã hội, gây bức xúc cho nhân dân trên địa bàn.

[5] Bị cáo là người chủ mưu rủ Lê Văn D và cũng là người trực tiếp tham gia thực hiện hành vi trộm cắp 15 lần với giá trị tài sản chiếm đoạt là 32.970.000 đồng, thực hiện tội phạm trong thời gian dài, chiếm đoạt tài sản của người dân tộc thiểu số địa phương tại địa bàn các xã biên giới, trong đó có 10 lần đủ định lượng cấu thành tội phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, sau khi biết anh D bị bắt bị cáo T đã bỏ trốn và bị truy nã trong thời gian dài, đến ngày 19-10-2018 mới ra đầu thú, gây khó khăn trong quá trình điều tra, giải quyết vụ án. Do vậy, cần phải xử phạt tù tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thời gian đủ dài để bị cáo có điều kiện được tiếp tục giáo dục, cải tạo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét bị cáo phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội, bỏ trốn và bị truy nã cũng đã ra đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa cũng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường được một phần thiệt hại cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T đã tác động, nhờ anh Nguyễn Mạnh T1 đứng ra thay mặt cho bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại là anh Ksor T và anh Rơ Mah U. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị hại trên và anh T1 đều không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét; Tại phiên tòa, bị cáo T và bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã tự nguyện thỏa thuận về việc bồi thường. Cụ thể, bị cáo T tự nguyện bồi thường cho anh Siu T số tiền 1.000.000 đồng, bồi thường cho anh Rơ Lan H số tiền 2.000.000 đồng, hoàn trả lại cho anh Lê Văn D $\frac{1}{2}$ số tiền anh D bị truy thu sung công quỹ Nhà nước là $7.670.000 \text{ đồng} / 2 = 3.835.000 \text{ đồng}$. Sự thỏa thuận trên là hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận; Trách nhiệm dân sự của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án khác đều đã được giải quyết tại Bản án số 25/2017/HSST ngày 29-6-2017 của Tòa án nhân dân huyện G. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bị hại, người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều không có ai có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[8] Về xử lý vật chứng: Đã được giải quyết tại Bản án số 25/2017/HSST ngày 29-6-2017 của Tòa án nhân dân huyện G. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều không có ai có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[9] Đối với hành vi của Lê Văn D, Hà Văn H, Dương Văn T đã được giải quyết tại Bản án số 25/2017/HSST ngày 29-6-2017 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai, Bản án đã có hiệu lực pháp luật và đưa ra thi hành nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[10] Đối với ông Nguyễn T, anh D khai đã bán cho ông Nguyễn T 02 con heo, tuy nhiên ông T không thừa nhận và chưa có đủ căn cứ để chứng minh tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã tách ra để tiếp tục điều tra, xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh T 20 (Hai mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (Ngày 19-10-2018).

- Áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Mạnh T để bảo đảm thi hành án.

- Áp dụng Điều 585, Điều 586 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Mạnh T phải bồi thường cho anh Siu T số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), bồi thường cho anh Rơ Lan H số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), hoàn trả lại cho anh Lê Văn D số tiền 3.835.000 đồng (Ba triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí lệ, phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Mạnh T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa

thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích thủ tục, phạm vi kháng cáo)

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- Công an huyện G ;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- UBND xã Ia T;
- Sở Tư pháp Gia Lai;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu HSVA; THAHS, THADS;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính